

Phụ lục 1
Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và
tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến
(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến.

- Văn phòng Đăng ký đất đai và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Mức thu phí

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	75.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	25.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	55.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	15.000

3. Tổ chức thu phí

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng.

4. Các trường hợp được miễn

a) Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 4, Điều 9 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và khoản 4, Điều 1 của Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/8/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký.

Phụ lục 2

Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nộp hồ sơ trực tuyến

(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nộp hồ sơ trực tuyến (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nộp hồ sơ trực tuyến phải thực hiện đối với công việc thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) theo quy định của pháp luật.

- Văn phòng Đăng ký đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Mức thu phí.

STT	Đối tượng nộp phí	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu	
1	Hộ gia đình, cá nhân	290.000
2	Tổ chức	1.225.000
II	Đối với hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	
1	Hộ gia đình, cá nhân	
-	Cấp đổi Giấy chứng nhận.	210.000
-	Cấp lại Giấy chứng nhận.	305.000
2	Tổ chức	
-	Cấp đổi Giấy chứng nhận.	355.000
-	Cấp lại Giấy chứng nhận.	475.000
III	Đối với hồ sơ đăng ký biến động đất đai	
1	Hộ gia đình, cá nhân	

1.1	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	550.000
1.2	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (chỉnh lý)	
-	Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ; Có thay đổi về những hạn chế quyền của người sử dụng đất; Ghi nợ và xóa nợ về nghĩa vụ tài chính; Chuyển mục đích sử dụng đất; Xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	260.000
-	Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất; Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.	265.000
-	Chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho; Đăng ký biến động đất đai trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án.	340.000
-	Gia hạn sử dụng đất (kể cả trường hợp tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân)	310.000
2	Tổ chức	
2.1	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	1.160.000
2.2	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (chỉnh lý)	
-	Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ; Chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm sang hình thức thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê; từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất; từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; Có thay đổi về những hạn chế quyền của người sử dụng đất; Chuyển mục đích sử dụng đất; Xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	930.000
-	Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất (trừ trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp); Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất	930.000

-	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Đăng ký biến động đất đai trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án; Trường hợp chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; Góp vốn bằng quyền sử dụng đất; Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	980.000
-	Gia hạn sử dụng đất.	980.000

3. Tổ chức thu phí

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Tổ chức thu phí được trích để lại 80% (tám mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được hàng năm để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; 20% (hai mươi phần trăm) còn lại nộp ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 3
Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến
(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến.

- Văn phòng Đăng ký đất đai và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Mức thu lệ phí

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	(đồng/ giấy)
1.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân:	
	- Khu vực thị trấn, các phường	25.000
	- Khu vực còn lại	12.000
1.2	Đối với tổ chức	100.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	(đồng/ giấy)
2.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	100.000
	- Khu vực còn lại	50.000
2.2	Đối với tổ chức	500.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	(đồng/ giấy)
3.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	75.000
	- Khu vực còn lại	35.000
3.2	Đối với tổ chức	500.000
4	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	(đồng/ giấy)

4.1	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	+ Khu vực thị trấn, các phường	20.000
	+ Khu vực còn lại	10.000
-	Đối với tổ chức	50.000
4.2	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung giấy chứng nhận có chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	+ Khu vực thị trấn, các phường	50.000
	+ Khu vực còn lại	25.000
-	Đối với tổ chức	50.000
4.3	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung giấy chứng nhận chỉ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân:	
	+ Khu vực thị trấn, các phường.	30.000
	+ Khu vực còn lại	15.000
-	Đối với tổ chức	50.000
5	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai sau khi cấp giấy chứng nhận	(đồng/ 1 lần)
5.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	28.000
	- Khu vực còn lại	14.000
5.2	Đối với tổ chức	30.000
6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	(đồng/ 1 lần)
6.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	15.000
	- Khu vực còn lại	10.000
6.2	Đối với tổ chức	30.000

3. Tổ chức thu lệ phí

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 4
Lệ phí hộ tịch

(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

- Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được tổ chức thu lệ phí hộ tịch đối với đối tượng nêu trên gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Mức thu lệ phí hộ tịch

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/ trường hợp)
I	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã	
1	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	4.000
2	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử):	4.000
2	Kết hôn (đăng ký lại kết hôn)	16.000
4	Nhận cha, mẹ, con	8.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	8.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	8.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	4.000
II	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	
1	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	60.000

2	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	60.000
3	Kết hôn (đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	1.200.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	60.000
5	Nhận cha, mẹ, con	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	22.000
7	Xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	22.000
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác	60.000

3. Tổ chức thu lệ phí

- a) Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Các trường hợp được miễn

- a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo và người khuyết tật.
- b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

- a) Lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
- b) Tổ chức thu lệ phí thực hiện chế độ thu, nộp theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5
Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người
nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng:

Các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu nước ngoài có sử dụng lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu phí thông qua dịch vụ công trực tuyến đối với giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

2. Mức thu lệ phí

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/ trường hợp)
1	Cấp mới giấy phép lao động	540.000
2	Cấp lại giấy phép lao động	405.000
3	Gia hạn giấy phép lao động	270.000

3. Thời hạn áp dụng: Quy định này được áp dụng kể từ ngày/...../2023.

4. Cơ quan thực hiện thu phí thông qua dịch vụ công trực tuyến đối với cấp giấy phép cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng.
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp (theo ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền).

5. Chế độ thu, nộp

a) Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 6
Lệ phí cấp giấy phép xây dựng
(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

Các chủ đầu tư xây dựng công trình mới, sửa chữa, cải tạo, di dời công trình khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng.

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Mức thu lệ phí.

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/ trường hợp)
1	Đối với nhà ở riêng lẻ	40.000
2	Đối với công trình khác	80.000
3	Trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng	8.000

3. Tổ chức thu lệ phí

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền khác theo phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục 7

Lệ phí đăng ký kinh doanh

*(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

- Cơ quan có các hoạt động liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh (đối với các đối tượng trên) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Mức thu phí, lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

Hợp tác xã, hộ kinh doanh, Quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp hợp tác xã được miễn lệ phí đăng ký đối với hồ sơ thành lập và đăng ký thay đổi khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.